

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HUNG HÀ  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05A/2024/HS-ST

Ngày: 30 - 01 - 2024

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Trác

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Nôi
2. Ông Đinh Tr Thanh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà tham gia phiên tòa: Bà Đào Duy Linh - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 01 năm 2024. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 136/2023/TLST-HS ngày 01/12/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-HS ngày 11/01/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/HSST-QĐ ngày 24 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

**Trần Văn K**, sinh ngày 26/11/1988 tại huyện H, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Tổ dân phố V, thị trấn H, huyện H, tỉnh Th Bình; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Con ông Trần Văn Kh, sinh năm 1965 và bà Trần Thị H, sinh năm 1968; Vợ: Đặng Thị Phương Nh, sinh năm 2000. Nhân thân: Tháng 3/2007 đến tháng 01/2009 tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam; Bản án số 28/2011/ST-HS ngày 10/6/2011, Tòa án nhân dân Hện Hưng Hà xử phạt 18 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích”; Bản án số 52/2013 ngày 18/7/2013, Tòa án nhân dân Hện Hưng Hà, xử phạt 04 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, tổng hợp hình phạt 01 năm 06 tháng tù của bản án số 28/2011/ST-HS ngày 10/6/2011, buộc Trần Văn K phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 05 năm 06 tháng tù. Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam từ ngày 20/7/2023, đến ngày 11/10/2023 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh, hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Trần Tiên D, sinh năm 1998

Địa chỉ: Thôn H, xã T, Hện H, tỉnh Th Bình  
- Anh Bùi Hữu Tr, sinh năm 1981  
Địa chỉ: Thôn B, xã H, Hện H, tỉnh Th Bình  
- Anh Trần Văn D, sinh năm 2004  
- Anh Trần Tr H, sinh năm 1985  
Đều ở địa chỉ: Thôn T, xã T, Hện H, tỉnh Th Bình  
- Anh Hoàng Đình Th, sinh năm 1997  
- Anh Trần Đình H, sinh năm 1997  
Đều ở địa chỉ: Thôn Ph, xã Th, Hện H, tỉnh Th Bình  
- Anh Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1988  
Địa chỉ: Thôn S, xã Ch, Hện H, tỉnh Th Bình  
- Anh Trần Tiến Đ, sinh năm 1994  
Địa chỉ: Thôn Nh, xã T, Hện H, tỉnh Th Bình  
- Anh Tống Xuân H, sinh năm 1999  
Địa chỉ: Thôn T, xã Th, Hện H, tỉnh Th Bình  
- Chị Đặng Thị Phương Nh, sinh năm 2000  
Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn H, Hện H, tỉnh Th Bình.  
- Chị Cà Thị Ch, sinh năm 1986  
Địa chỉ: Bản B, xã N, Hện Đ, tỉnh Điện Biên  
(Anh D, anh Tr, anh D, anh H, anh Th, anh H, anh H, anh Đ, anh H, chị Nh, chị Ch đều vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn K là người không có giấy phép kinh D trong lĩnh vực cho vay, cấp tín dụng nhưng K đã cho các anh D, Tr, D, Th, H, H, H, Đ, H vay tiền với lãi suất cao hơn 05 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nhằm thu lợi bất chính.

Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2021 đến ngày 20/7/2023; K đã cho các anh D, Tr, D, Th, H, H, H, Đ, H vay tổng số tiền là 603.000.000 đồng, lãi suất từ 2.778 đồng đến 5.000 đồng/triệu/ngày, (tương ứng 101%/năm đến 186%/năm, tùy từng khoản vay), thu lời bất chính tổng số tiền 265.352.726 đồng.

Cách thức K và các anh D, Tr, D, Th, H, H, H, Đ, H chèn tiền vay, trả tiền lãi như sau: khi các anh D, Tr, D, Th, H, H, H, Đ, H có nhu cầu vay tiền và đồng ý với mức lãi suất như trên thì K đưa mẫu và hướng dẫn người vay tiền điền thông tin, ký tên, điểm chỉ vào giấy in có chữ “Giấy vay tiền”, “Giấy mua bán sim điện thoại” hoặc yêu cầu người vay tự viết giấy, trong đó chỉ ghi số tiền vay, không ghi lãi suất và đưa lại cho K. Khi đưa tiền cho người vay, K trừ luôn tiền lãi của một tháng tiếp đó vào tiền gốc (có trường hợp không trừ); hàng tháng, người vay tiền

trả lãi trực tiếp cho K hoặc thông qua tài khoản số 6784567899999 và số 3890123455555 mang tên Trần Văn K; tài khoản số 0857638222 và số 9933338333333 mang tên Đặng Thị Phương Nh; tài khoản số 0986831826 mang tên Ca Thị Ch (đều của Ngân hàng MB bank).

Việc giao dịch cho vay lãi nặng giữa K với các anh D, Tr, D, Th, H, H, H, Đ, H cụ thể như sau:

**\* Đối với anh D:** Từ ngày 30/5/2021 đến ngày 30/11/2021, K đã cho anh D vay 08 lần, tổng số tiền là: 105.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, tương ứng số tiền lãi 15.750.000 đồng/tháng, gấp 9,03 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS (tương ứng 180%/năm), trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 5.833.333 đồng, số tiền thu lời bất chính là 46.666.667 đồng; cụ thể các lần như sau:

- Ngày 30/5/2021, anh D vay K số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay 07 tháng (từ ngày 30/5/2021 đến ngày 30/11/2021), anh D trả lãi cho K số tiền 21.000.000 đồng; trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 2.333.333 đồng, số tiền thu lời bất chính là 18.666.667 đồng

- Ngày 04/9/2021, anh D vay K số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 04 tháng (từ ngày 04/9/2021 đến ngày 04/01/2022), anh D đã trả lãi cho K 6.000.000 đồng; trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 666.667 đồng, số tiền thu lời bất chính là 5.333.333 đồng.

- Ngày 06/9/2021, anh D vay K số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 04 tháng (từ ngày 06/9/2021 đến ngày 06/01/2022), anh D đã trả lãi cho K 6.000.000 đồng; trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 666.667 đồng, số tiền thu lời bất chính là 5.333.333 đồng.

- Ngày 08/11/2021, anh D vay K số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 02 tháng (từ ngày 08/11/2021 đến ngày 08/01/2022), anh D đã trả lãi cho K 3.000.000 đồng; trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 333.333 đồng, số tiền thu lời bất chính là 2.666.667 đồng.

- Ngày 09/11/2021, anh D vay K số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 02 tháng (từ ngày 09/11/2021 đến ngày 09/01/2022), anh D đã trả lãi cho K 3.000.000 đồng; trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 333.333 đồng, số tiền thu lời bất chính là 2.666.667 đồng.

- Ngày 19/11/2021, anh D vay K số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 02 tháng (từ ngày 19/11/2021 đến ngày 19/01/2022), anh D đã trả lãi cho K 3.000.000 đồng; trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 333.333 đồng, số tiền thu lời bất chính là 2.666.667 đồng.

- Ngày 21/11/2021, anh D vay K số tiền 15.000.000 đồng, thời hạn vay 02 tháng (từ ngày 21/11/2021 đến ngày 21/01/2022), anh D đã trả lãi cho K 4.500.000 đồng; trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 500.000 đồng, số tiền thu lời bất chính là 4.000.000 đồng.

- Ngày 30/11/2021, anh D vay của K số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay 02 tháng (từ tháng 30/11/2021 đến 30/01/2022), anh D đã trả lãi cho K 6.000.000 đồng; trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 666.667 đồng, số tiền thu lời bất chính là 5.333.333 đồng.

Từ ngày 30/5/2021 đến ngày 30/01/2022, anh D đã trả cho K tổng số tiền lãi là 52.500.000 đồng và trả cho K số tiền gốc là 44.000.000 đồng; K đã thu lợi bất chính số tiền 46.666.667 đồng. Từ tháng 02/2022, anh D còn nợ K số tiền nợ gốc là 61.000.000 đồng, K vẫn tính lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày; từ tháng 02/2022 đến tháng 12/2022, anh D chưa trả số tiền lãi 91.000.000 đồng cho K. Tổng số tiền gốc và tiền lãi anh D còn nợ K là 152.000.000 đồng (61.000.000 tiền gốc và 91.000.000 đồng tiền lãi); K cho anh D 22.000.000 đồng tiền lãi, tiền thu lời bất chính từ khoản vay này là 58.833.333 đồng; anh D viết giấy chốt số tiền nợ K là 130.000.000 đồng, số tiền này không tính lãi suất. Tổng số tiền K thu lợi bất chính từ các khoản cho anh D vay là: 105.500.000 đồng.

**\* Đối với anh D:** Ngày 10/11/2021, anh D vay của K số tiền 8.000.000 đồng, lãi suất 4.000 đồng/triệu/ngày, tương ứng với số tiền 960.000 đồng/tháng, gấp 7,2 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS (tương ứng 144%/năm), đến ngày 15/11/2022, anh D đã trả hết tiền gốc và 11.520.000 đồng tiền lãi; trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 1.600.000 đồng, số tiền thu lời bất chính là 9.920.000 đồng.

**\* Đối với anh Tr:** K đã 02 lần cho anh Tr vay tiền, tổng số tiền là: 60.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày, gấp 5,4 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS (tương ứng 108%/năm), trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 5.200.000 đồng, số tiền thu lời bất chính là 23.000.000 đồng; cụ thể các lần như sau:

- Ngày 29/3/2022, anh Tr vay của K số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay 04 tháng 12 ngày (từ ngày 29/3/2022 đến ngày 11/8/2022), anh Tr đã trả hết tiền gốc và đã trả tiền lãi là 12.000.000 đồng; trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 2.200.000 đồng, số tiền thu lời bất chính là 9.800.000 đồng.

- Ngày 22/10/2022, anh Tr vay của K số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng (từ ngày 22/10/2022 đến ngày 22/4/2023), anh Tr đã trả hết tiền gốc và đã trả tiền lãi là 16.200.000 đồng; trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 3.000.000 đồng, số tiền thu lời bất chính là 13.200.000 đồng.

Tổng số tiền K thu lợi bất chính từ khoản cho anh Tr vay là 23.000.000 đồng.

**\* Đối với anh Th:** Từ tháng 8/2022, K cho anh Th vay 03 lần với số tiền là 50.000.000 đồng, lãi suất là 3.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày (tương ứng 108%/năm), gấp 5,4 lần mức lãi suất cao nhất (20%/năm) quy định trong Bộ luật Dân sự và 01 lần vay K số tiền là 10.000.000 đồng, lãi suất là 4.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày (tương ứng 144%/năm), gấp 7,2 lần mức lãi suất cao nhất (20%/năm) quy định trong Bộ luật Dân sự, cụ thể các lần như sau:

- Ngày 17/8/2022, K cho anh Th vay số tiền 15.000.000 đồng, thời hạn vay là 11 tháng 03 ngày (tính đến ngày 20/7/2023, ngày khởi tố vụ án), lãi suất là 3.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày, số tiền lãi anh Th phải trả cho K 14.985.000 đồng, anh Th đã trả 13.500.000 đồng, số tiền lãi còn lại 1.485.000 đồng và tiền gốc anh Th chưa trả cho K trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 2.775.000 đồng, số tiền thu lời bất chính là 12.210.000 đồng.

- Ngày 19/10/2022, K cho anh Th vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay là 09 tháng 01 ngày (tính đến ngày 20/7/2023, ngày khởi tố vụ án), lãi suất là 3.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày, số tiền lãi anh Th phải trả cho K là 8.130.000 đồng, đã trả cho K số tiền lãi là 7.200.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 1.505.556 đồng, số tiền thu lời bất chính là 6.624.444 đồng. Số tiền lãi còn lại 930.000 đồng và tiền gốc anh Th chưa trả cho K.

- Ngày 05/01/2023, K cho anh Th vay số tiền 25.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng 15 ngày (tính đến ngày 20/7/2023, ngày khởi tố vụ án), lãi suất là 3.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày, số tiền lãi anh Th phải trả cho K là 14.625.000 đồng, đã trả cho K số tiền lãi là 13.500.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 2.708.333 đồng, số tiền thu lời bất chính là 11.916.667. Số tiền lãi còn lại 1.125.000 đồng và tiền gốc anh Th chưa trả cho K.

- Ngày 11/04/2023, K cho anh Th vay số tiền 10.000.000 đồng (H vay hộ), lãi suất là 4.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày, thời hạn vay là 03 tháng 09 ngày (tính đến ngày 20/7/2023, ngày khởi tố vụ án), tiền lãi xuất phải trả là 3.960.000 đồng, anh Th đã trả cho K số tiền lãi là 3.600.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định là 550.000 đồng, số tiền K thu lời bất chính là 3.410.000 đồng, số tiền lãi còn lại 360.000 đồng và tiền gốc anh Th chưa trả cho K.

Tổng số tiền K thu lời bất chính từ khoản vay của anh Th là 34.161.111 đồng.

**\* Đối với anh Đ:** Ngày 01/10/2022, K cho anh Đ vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, (tương ứng 180%/năm), gấp 09 lần mức lãi suất cao nhất (20%/năm) quy định trong Bộ luật Dân sự. Thời hạn vay là 05 tháng (từ ngày 01/10/2022 đến ngày 01/3/2023), số tiền lãi phải trả là 15.000.000 đồng, anh Đ đã trả số tiền lãi trên nhưng chưa trả tiền gốc, trong đó tiền lãi theo quy định là 550.000 đồng, số tiền K thu lời bất chính là 13.333.333 đồng.

Từ ngày 01/3/2023, K giảm lãi xuất cho anh Đ từ 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày xuống còn 2.833 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày tương ứng với (tương ứng 101,9%/năm) gấp 5,09 lần mức lãi suất cao nhất (20%/năm) quy định trong Bộ luật Dân sự. Thời hạn vay là 04 tháng 19 ngày (tính từ ngày 01/3/2023 đến ngày 20/7/2023, ngày khởi tố), số tiền lãi phải trả là 7.875.740 đồng, anh Đ đã trả số tiền lãi 6.800.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định là 1.544.444 đồng, số tiền lãi còn lại 1.075.740 đồng và chưa trả tiền gốc, số tiền K thu lời bất chính là 6.331.296 đồng.

Như vậy, tổng số tiền K thu lợi bất chính từ khoản cho anh Đ vay là 19.664.629 đồng.

**\* Đối với anh H:** Ngày 25/09/2022, K cho anh H vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương ứng 144%/năm), gấp 7,2 lần mức lãi suất cao nhất (20%/năm) quy định trong Bộ luật Dân sự. Thời hạn vay là 09 tháng 25 ngày (tính đến ngày 20/7/2023, ngày khởi tố vụ án), số tiền lãi phải trả là 23.600.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định là 3.277.778 đồng, anh H chưa trả lãi và tiền gốc cho K, số tiền K thu lợi bất chính là 20.322.222 đồng.

**\* Đối với anh H:** Ngày 03/11/2022, K cho anh H vay số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 2.778 đồng/1.000.000 đồng/ 01 ngày tương ứng với số tiền là 12.500.000 đồng/15 ngày (tương đương lãi suất 101,4%/năm), gấp 5,07 lần mức lãi suất cao nhất (20%/năm) quy định trong Bộ luật Dân sự. Thời hạn vay 02 tháng (từ ngày 03/11/2022 đến tháng 03/01/2023), số tiền lãi phải trả là 50.000.000 đồng, anh H đã trả hết tiền lãi và 150.000.000 đồng tiền gốc cho K, trong đó tiền lãi theo quy định là 9.863.014 đồng. Số tiền K thu lợi bất chính từ khoản vay trên của anh H là 40.136.986 đồng.

**\* Đối với anh H:** Ngày 12/12/2022, anh H vay của Trần Văn K số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 5000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương đương lãi suất 180%/năm), gấp 09 lần mức lãi suất cao nhất (20%/năm) quy định trong Bộ luật Dân sự. Thời hạn vay là 04 tháng 10 ngày (từ ngày 12/12/2022 đến ngày 22/4/2023), số tiền lãi phải trả là 6.550.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định là 722.222 đồng. Anh H đã trả hết tiền lãi và tiền tiền gốc, số tiền K thu lợi bất chính từ khoản vay của anh H là 5.827.778 đồng.

**\* Đối với anh H:** Ngày 11/04/2023, K cho anh H vay số tiền 30.000.000 đồng (trong đó vay hộ anh Th 10.000.000 đồng), lãi suất là 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, (tương đương lãi suất 144%/năm), gấp 7,2 lần mức lãi suất cao nhất (20%/năm) quy định trong Bộ luật Dân sự. Như vậy số tiền anh H vay K là 20.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng 09 ngày (tính đến ngày 20/7/2023, ngày khởi tố vụ án), số tiền lãi phải trả là 7.920.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định là 1.100.000 đồng. Anh H đã trả cho K 7.200.000 đồng, số tiền lãi còn lại 720.000 đồng và tiền gốc anh H chưa trả, số tiền K thu lợi bất chính từ khoản vay của anh H là 6.820.000 đồng.

Như vậy, xác định tổng số tiền K thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với 09 người gồm anh Trần Tiến D, anh Trần Văn D, anh Bùi Hữu Tr, anh Hoàng Đình Th, anh Trần Tiến Đ, anh Trần Tr H, anh Nguyễn Mạnh H, anh Tống Xuân H và anh Trần Đình H là 265.352.726 đồng.

Bản Cáo trạng số: 140/CT-VKSHH ngày 30 tháng 11 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà đã truy tố bị cáo Trần Văn K về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên khẳng định nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người đúng tội, đúng pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Trần Văn K phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

\* Về tội danh: Đề nghị tuyên bố bị cáo Trần Văn K phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

\* Về hình phạt: Áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn K từ 01 năm tù đến 01 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án được trừ thời gian bị cáo bị tạm giam từ ngày 20/7/2023, đến ngày 11/10/2023.

\* Hình phạt bổ sung: Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự phạt bổ sung đối với bị cáo từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng sung vào Ngân sách nhà nước.

\* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị tiếp tục lưu hồ sơ vụ án 04 tờ giấy A4 mẫu giấy vay tiền; 03 tờ giấy A4 mẫu hợp đồng thuê xe và 04 tờ giấy A4 mẫu hợp đồng mua bán xe. Tịch thu 01 điện thoại di động Nokia màu đen, đã qua sử dụng thu của bị cáo K để hóa giá sung ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo K và các anh Tr, Dũng, Th, H, H, H, Đ phải nộp lại số tiền K đã cho 09 người trên vay để tịch thu sung ngân sách Nhà nước, cụ thể như sau: Bị cáo K số tiền 242.000.000 đồng; anh Tr số tiền 30.000.000 đồng, anh D số tiền 61.000.000 đồng, anh Th số tiền 50.000.000 đồng, anh H số tiền 30.000.000 đồng, anh H số tiền 20.000.000 đồng, anh H số tiền 150.000.000 đồng và anh Đ số tiền 20.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo K phải nộp lại số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự K đã thu của người vay là 33.551.903 đồng vào ngân sách nhà nước (thu của Tr 4.700.000 đồng, thu của Dũng 5.833.333 đồng, thu của D 1.600.000 đồng, thu của Th 6.333.333 đồng, thu của H 1.500.000 đồng, thu của H 9.863.014 đồng, thu của Đ 3.000.000 đồng, thu của H 722.222 đồng)

- Buộc bị cáo Trần Văn K phải trả lại tiền thu lợi bất chính đã thu được cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tổng số tiền 179.318.097 đồng, cụ thể: trả lại anh Tr số tiền 20.800.000 đồng, anh D 46.666.667 đồng, anh D 9.920.000 đồng, anh Th 27.866.667 đồng, anh H 9.300.000 đồng, anh H 40.136.986 đồng, anh Đ 18.800.000 đồng, anh H 5.827.778 đồng.

\* Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo K không có tranh luận

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo,

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hưng Hà, Điều tra viên, cán bộ điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Trần Văn K tại phiên tòa phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với các bản sao kê của Ngân hàng MB đối với số tài khoản 3890123455555 và số 6784567899999 của Trần Văn K; số tài khoản số 085763822 và số 9933338333333 của Đặng Thị Phương Nh; số tài khoản số 0986831826 chủ tài khoản “Ca Thi Ch”. Ngoài ra được chứng minh bằng biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật; các biên bản làm việc và kiểm tra điện thoại của bị cáo K và các anh D, anh Tr, anh D, anh Th, anh H, anh H, anh H, anh Đ, anh H; công văn số 480 ngày 11/10/2023 của Ngân hàng MB; công văn số 418 ngày 24/8/2023 của Ngân hàng MB; công văn số 5355 ngày 20/10/2023 của Ngân hàng VCB; công văn số 122 ngày 11/10/2023 của Ngân hàng MB và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2021 đến ngày 20/7/2023, K đã cho các anh D, anh Tr, anh D, anh Th, anh H, anh H, anh H, anh Đ, anh H vay tổng số tiền: 603.000.000 đồng, lãi suất cao quá 5 lần so với mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính số tiền là: 265.352.726 đồng (Dũng 105.500.000 đồng, D 9.920.000 đồng, Tr 23.000.000 đồng, Th 30.751.111 đồng, Đ 19.664.629 đồng, H 20.322.222 đồng, H 40.136.986 đồng, H 5.827.778 đồng, H 10.230.000 đồng). Hành vi nêu trên của bị cáo Trần Văn K đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, tội phạm và hình phạt quy định tại Điều 201 của Bộ luật hình sự:

*Điều 201: Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*

*1.....*

*2. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*

*3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.*

[3] Hành vi của bị cáo đã xâm hại đến trật tự quản lý kinh tế, tiền tệ của Nhà nước, xâm phạm đến an toàn công cộng, trật tự công cộng và lợi ích của cá nhân; Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi cho vay lãi nặng của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình phạm tội, bị cáo nhiều lần phạm tội nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Do vậy để đảm bảo trật tự xã hội, quyền lợi của các cá nhân, cần phải có hình phạt nghiêm minh, cách ly bị cáo khỏi xã hội thời gian nhất định, mới có tác dụng cải tạo bị cáo nói riêng cũng như đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung.

[4] Khi quyết định hình phạt cũng xem xét bị cáo thành khẩn khai báo, có thời gian tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam, do vậy cần áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Mục đích, động cơ phạm tội của bị cáo là vụ lợi nên áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự: Phạt bị cáo K số tiền 30.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền bị cáo K thu lời bất chính từ việc cho vay, theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự thì “Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực; khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm là khoản tiền bị cáo thu lợi bất chính của người vay nên trả lại cho người vay tiền; do đó buộc bị cáo K trả lại cho các anh D, D, Tr, Th, Đ, H, H, H, H số tiền thu lời bất chính cụ thể như sau:

Anh D số tiền 46.666.667 đồng; Anh D số tiền 9.920.000 đồng; Anh Tr số tiền 20.800.000 đồng; Anh Th số tiền 27.866.667 đồng; Anh Đ số tiền 18.800.000 đồng; Anh H số tiền 40.136.986 đồng; Anh H số tiền 5.827.778 đồng; Anh H số tiền 9.300.000 đồng;

[7] Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng và tài sản bị tạm giữ:

[7.1] Tổng số tiền bị cáo K cho các anh D, anh D, anh Tr, anh Th, anh Đ, anh H, anh H, anh H, anh H vay cụ thể là: Anh D số tiền 105.000.000 đồng; anh D số tiền 8.000.000 đồng; anh Tr số tiền 60.000.000 đồng; anh Th số tiền 50.000.000 đồng; anh Đ số tiền 20.000.000 đồng; anh H số tiền 20.000.000 đồng; anh H số tiền 300.000.000 đồng; anh H số tiền 10.000.000 đồng; anh H số tiền 30.000.000 đồng, số tiền này là phương tiện phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước; anh D đã trả tiền gốc 44.000.000 đồng; anh D đã trả tiền gốc 8.000.000 đồng; anh Tr đã trả tiền gốc 30.000.000 đồng; anh H đã trả tiền gốc 150.000.000 đồng; anh H đã trả tiền gốc 10.000.000 đồng; các anh Th, anh Đ, anh H, anh H chưa trả tiền gốc; cụ thể số tiền những người phải nộp để sung quỹ Nhà nước như sau:

- Anh D số tiền 61.000.000 đồng
- Anh Th số tiền 50.000.000 đồng
- Anh Đ số tiền 20.000.000 đồng
- Anh H số tiền 20.000.000 đồng
- Anh H số tiền 30.000.000 đồng
- Anh H số tiền 150.000.000 đồng
- Anh Tr số tiền 30.000.000 đồng
- Bị cáo K số tiền 242.000.000 đồng

[7.2] Tổng số tiền lãi 33.511.903 đồng, tương ứng với mức lãi suất 20%/năm mà bị cáo K đã nhận của các anh D, D, Tr, Th, Đ, H, H, H, H, đây là khoản tiền lãi phát sinh do phạm tội mà có nên bị tịch thu sung ngân sách Nhà nước, do đó buộc bị cáo K phải nộp lại số tiền 33.511.903 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

[7.3] Đối với 01 điện thoại di động Nokia màu đen, đã qua sử dụng thu của bị cáo K. Quá trình điều tra xác định đây là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước.

[8] Quá trình điều tra xác định: Tháng 5/2023, K có hành vi cho anh Bùi Hữu Tr vay số tiền 32.700.000 đồng lãi suất 2.700 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tương đương 97,2%/năm), gấp 4,86 lần so với mức lãi suất cao nhất (20%/năm) theo quy định của Bộ luật Dân sự. Từ ngày 27/7/2022 đến ngày 27/01/2023, K có hành vi cho anh Nguyễn Mạnh H vay số tiền 200.000.000 đồng lãi suất 2.500 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tương đương 91,250%/năm), gấp 4,56 lần so với mức lãi suất cao nhất (20%/năm) theo quy định của Bộ luật Dân sự; từ ngày 03/01/2023 đến ngày 20/7/2023, K có hành vi cho anh Nguyễn Mạnh H vay số tiền 150.000.000 đồng lãi suất 2.667 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tương đương 97,3%/năm), gấp 4,86 lần so với mức lãi suất cao nhất (20%/năm) theo quy định của Bộ luật Dân sự. Hành vi trên của Trần Văn K chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hưng Hà quyết định xử phạt vi phạm hành chính, hình thức phạt tiền, mức phạt 15.000.000 đồng là đúng quy định.

[8.1] Đối với chị Đặng Thị Phương Nh: Vào các ngày 10/3/2023, 25/4/2023, 10/6/2023 và ngày 21/6/2023 anh Hoàng Đình Th đã 04 lần chuyển tiền qua tài khoản Ngân hàng TMCP Quân đội số 0857638222 của Nhi để trả tiền lãi cho K. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hưng Hà đã tiến hành điều tra, xác minh, kết quả điều tra xác định: số tài khoản trên là của chị Đặng Thị Phương Nh (vợ của K), Nhi không hỏi, K không nói nên chị Nh không biết đó là khoản tiền anh Th chuyển trả K từ việc cho vay lãi nặng và chị Nh cũng không được hưởng lợi gì từ việc chuyển tiền trên qua tài khoản của mình nên không đồng phạm với Trần Văn K về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại Điều 201 Bộ luật hình sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hưng Hà, tỉnh Th Bình không xử lý gì đối với chị Đặng Thị Phương Nh là phù hợp.

[8.2] Đối với Cà Thị Ch: quá trình điều tra xác định Trần Văn K sử dụng số tài khoản số 0986831826 của Ngân hàng TMCP Quân đội để chuyển tiền gốc và nhận tiền lãi của người vay. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hưng Hà đã tiến hành điều tra, xác minh, kết quả điều tra xác định: chủ tài khoản trên là chị Cà Thị Ch, sinh năm 1986, cư trú tại: Bản B, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. K khai được một người ở Hện Hưng Hà (không biết họ, tên, tuổi, địa chỉ) cho số tài khoản ngân hàng này để sử dụng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hưng Hà đã tiến hành ủy thác cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên để điều tra xác minh làm rõ Cà Thị Ch - người đăng ký tài khoản ngân hàng trên có liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Trần Văn K hay không nhưng đến nay chưa có kết quả. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Hện Hưng Hà tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý theo quy định của pháp luật.

[13] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn K phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 50 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt Trần Văn K: 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án; được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 20/7/2023 đến ngày 11/10/2023.

2. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201; Điều 35 Bộ luật hình sự, phạt bị cáo Trần Văn K 30.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự:

- Buộc bị cáo Trần Văn K phải trả lại cho các anh D, D, Tr, Th, Đ, H, H, H số tiền thu lời bất chính cụ thể như sau: Anh D số tiền 46.666.000 đồng (làm tròn); Anh D số tiền 9.920.000 đồng; Anh Tr số tiền 20.800.000 đồng; Anh Th số tiền 27.866.000 đồng (làm tròn); Anh Đ số tiền 18.800.000 đồng; Anh H số tiền 40.136.000 đồng (làm tròn); Anh H số tiền 5.827.000 đồng (làm tròn); Anh H số tiền 9.300.000 đồng;

*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

4. Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng và tài sản bị tạm giữ: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Buộc bị cáo K và các anh Tr, Dũng, Th, H, H, H, Đ phải nộp lại số tiền để tịch thu sung ngân sách Nhà nước, cụ thể như sau:

- + Bị cáo K số tiền 242.000.000 đồng
- + Anh Tr số tiền 30.000.000 đồng
- + Anh D số tiền 61.000.000 đồng
- + Anh Th số tiền 50.000.000 đồng
- + Anh H số tiền 30.000.000 đồng
- + Anh H số tiền 20.000.000 đồng
- + Anh H số tiền 150.000.000 đồng
- + Anh Đ số tiền 20.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo K phải nộp lại số tiền 33.551.000 đồng (làm tròn) là tiền lãi suất tương ứng với mức lãi suất 20%/năm để sung ngân sách Nhà nước.

- Lưu hồ sơ vụ án 04 tờ giấy A4 mẫu giấy vay tiền; 03 tờ giấy A4 mẫu hợp đồng thuê xe và 04 tờ giấy A4 mẫu hợp đồng mua bán xe. Tịch thu: 01 điện thoại di động Nokia màu đen, đã qua sử dụng thu của bị cáo K để hóa giá sung ngân sách Nhà nước.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Trần Văn K phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Bị cáo Trần Văn K có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các anh D, Tr, D, Th, H, H, H, Đ, H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Th Bình;
- VKSND huyện Hưng Hà;
- Công an huyện Hưng Hà;
- Bị cáo; Người có QLNVLQ;
- Sở tư pháp Th Bình;
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà;
- Lưu hồ sơ.

**Nguyễn Quang Trác**